

Phương Th không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 53,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Lê Văn N được ly hôn với bà Võ Thị Phương Th. Giao con chung là cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày: 25/12/2003 và Lê Văn Ph, sinh ngày: 12/02/ 2006 cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con do ông N không yêu cầu. Tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Việc ông Lê Văn N khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Võ Thị Phương Th, xét yêu cầu khởi kiện của ông N là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên chấp nhận, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập bà Võ Thị Phương Th hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà Th vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án đã làm các thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và đã hoãn phiên Tòa lần thứ nhất do bà Th vắng mặt. Tại phiên Tòa hôm nay bà Th vẫn vắng mặt nên Tòa án nhân dân Tp. Nha Trang căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn N và bà Võ Thị Phương Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường V, Nha Trang nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông Lê Văn N và bà Võ Thị Phương Th chung sống với nhau không hạnh phúc do bà Th không chăm lo cho gia đình, con cái. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông N là chính đáng, có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Ông Lê Văn N và bà Võ Thị Phương Th có 02 con chung là Lê Thị Phương L, sinh ngày 25/12/2003 và Lê Văn Ph, sinh ngày 12/02/2006. Sau ly hôn ông N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung vì hiện nay hai cháu đang chung sống với ông N. Vì vậy, việc ông N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Th do ông N không yêu cầu.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Lê Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về án phí:* Ông Lê Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 **Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;**

- **Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;**

- **Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Ông Lê Văn N được ly hôn với bà Võ Thị Phương Th.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày 25/12/2003 và Lê Văn Ph, sinh ngày 12/02/2006 cho ông Lê Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Võ Thị Phương Th do ông Lê Văn N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0008964 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, ông N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND TP Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- UBND phường V, Nha Trang (số 40/2003);
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nam Hoa